**PHỤ LỤC I  
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023,  
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

*(Kèm theo Văn bản số 1841/KHĐT-TH ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo\*** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **PHẦN I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023** | Các Sở, ngành |
| **I** | **Đánh giá bối cảnh triển khai thực hiện** | Các Sở, ngành |
| **II** | **Kết quả đạt được** |  |
| **1** | **Đánh giá chung kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu tại:**  (1) Kế hoạch hành động số 26/KH-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Nêu rõ những thành tựu nổi bật; phương pháp thực hiện mới...  (2) Kế hoạch hành động số 314/KH-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Trong đó, tập trung đánh giá:  - Đánh giá công tác tổ chức triển khai từng nhóm nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết; có đánh giá, so sánh giữa thời điểm trước và sau dịch Covid-19  - Làm rõ kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan), bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó đề xuất phương hướng, giải pháp.  - Khả năng giải ngân thực hiện các chính sách thuộc Chương trình đến hết năm 2023.  (3) Các Kế hoạch có liên quan khác (nếu có) | Các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công |
| **2** | **Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và quản lý, phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng** **gắn với ứng phó BĐKH** |  |
| - | Tình hình thực hiện công tác quy hoạch | Các Sở, ngành |
|  | *Riêng nội dung:* |  |
| + | Tình hình triển khai Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| + | Tình hình triển khai các Quy hoạch xây dựng, đô thị, nông thôn | Sở Xây dựng |
| - | Tình hình Quản lý, phát triển đô thị, đô thị xanh, đô thị thông minh; thực hiện Chương trình phát triển nhà ở | Sở Xây dựng (chủ trì);  Sở Thông tin và Truyền thông (nội dung đô thị thông minh) |
| - | Tình hình quy hoạch và phát triển các KKT, KCN; thu hút đầu tư hạ tầng KKT, KCN; tổng quan kết quả thực hiện Kế hoạch số 1919/KH-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 25/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển KKT Hòn La, KKTCK Cha Lo gắn với hành lang kinh tế Quốc Lộ 12A đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 | BQL KKT tỉnh |
| - | Tình hình phát triển các cụm công nghiệp; đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp | Sở Công Thương |
| - | Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là các công trình thủy lợi, cảng cá, trung tâm nghề cá lớn, khu neo đậu tránh trú bão; các dự án chống sạt lở thích ứng biến đổi khí hậu | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| - | Thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng KT-XH trọng điểm, tăng cường kết nối vùng, liên vùng, khu vực, quốc tế, nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam, Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3…. các dự án hạ tầng nền tảng số, hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng kỹ thuật – xã hội khác…. | Các Sở, ngành |
| **3** | **Tình hình thực hiện thực chất, hiệu quả hơn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số**, **kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế** | Các Sở, ngành |
| - | Nông, lâm nghiệp và thủy sản (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,…) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| - | Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình OCOP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| - | Công nghiệp (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,…) | Sở Công Thương |
| - | Xây dựng | Sở Xây dựng |
| - | Dịch vụ (trong đó phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,…) | Các Sở, ngành liên quan |
|  | *Trong ngành dịch vụ cần tập trung đánh giá:* |  |
| + | Du lịch, kết quả thực hiện phục hồi và phát triển du lịch (có phân tích khả năng cạnh tranh, chuyển dịch nội ngành và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,…) | Sở Du lịch |
| + | Vận tải hành khách và hàng hóa, logistics | Sở Giao thông vận tải |
| + | Thương mại trong tỉnh | Sở Công Thương |
| + | Xuất, nhập khẩu | Cục Hải quan tỉnh |
| + | Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông | Sở Thông tin và Truyền thông |
| + | Dịch vụ tài chính - ngân hàng | Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại QB |
| + | Dịch vụ khác, như: dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ y tế; dịch vụ bất động sản… | Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Xây dựng… |
| - | Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công; Xúc tiến và thu hút đầu tư. | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| - | Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân; vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm FDI); vốn huy động khác. | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh |
| - | Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước:  + Về siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách, chống thất thu, nợ đọng thuế, chuyển giá, trốn thuế, chống gian lận thương mại, phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước;  + Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát ngân sách, tài sản công, triệt để tiết kiệm các khoản chi | Sở Tài chính (chủ trì), phối hợp Cục Thuế, Cục Hải Quan, KBNN tỉnh |
| - | Tình hình phát triển tín dụng | Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại QB |
|  | *Riêng nội dung cho vay tín dụng xã hội (đặc biệt các chính sách theo NQ 11)* | Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Bình |
| - | Tình hình phát triển Doanh nghiệp nhà nước (đẩy mạnh thực hiện kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp…) | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| - | Tình hình phát triển Đơn vị sự nghiệp công lập; sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập | Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Các Sở, ngành |
| - | Tình hình phát triển Doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| - | Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX tỉnh |
| **4** | **Tình hình quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH** |  |
| - | Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;  Đánh giá chi tiết các hoạt động thu gom, xử lý rác thải rắn sinh hoạt, kiểm soát rác thải nhựa; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; hoạt động nghiên cứu, điều tra cơ bản, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường biển… | Sở Tài nguyên và Môi trường; |
| - | Phòng, chống thiên tai; tìm kiếm cứu nạn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – BCH PCTT&TKCN |
| **-** | Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, BĐKH; thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường…  Đánh giá công tác lồng ghép các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KTXH các cấp theo quy định. | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – BCH PCTT&TKCN |
| **5** | **Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; phát triển xã hội số** | Các Sở, ngành |
| **-** | Xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình mới; đổi mới giáo dục đào tạo gắn với phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn | Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo |
| **-** | Phục hồi và phát triển thị trường lao động; tạo việc làm. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| - | Công tác bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động, bảo trợ xã hội, chăm lo đời sống người cao tuổi;  Kết quả thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 14/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững;  Thực hiện các quyền của trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng, chống đuối nước. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| - | Các yếu tố dân số trong phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá theo quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Y tế |
| - | Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| - | Tình hình phát triển bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động... | Bảo hiểm xã hội tỉnh |
| - | Phát triển văn hóa, nghê thuật; thể dục thể thao, tham gia các sự kiện thể thao trong nước và quốc tế; xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Quảng Bình | Sở Văn hóa và Thể thao |
| - | Thực hiện chính sách dân tộc; Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 | Ban dân tộc tỉnh |
| - | Thực hiện chính sách tôn giáo | Sở Nội vụ |
| **-** | Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư | Sở Khoa học và Công nghệ |
| **-** | Tình hình phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Thông tin và Truyền thông |
| - | Tình hình phát triển thông tin, truyền thông | Sở Thông tin và Truyền thông, (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Bình phối hợp) |
| **6** | **Tình hình thực hiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo, phát triển chính quyền số** |  |
| **-** | Nâng cao năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh; cải thiện các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (đánh giá chi tiết công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, việc rà soát sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định trong các lĩnh vực để tháo gỡ khó khăn, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) | Các Sở, ngành (Theo phân công phụ trách các tiêu chí trong các Bộ chỉ số PCI, PAPI, PAR-INDEX, SIPAS) |
| **-** | Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện tốt văn hóa công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm | Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh |
| - | Tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm; thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung | Sở Nội vụ |
| - | Thực hiện cải cách tư pháp; tăng cường kiểm tra, rà soát, hoàn thiện pháp luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và bổ trợ tư pháp | Sở Tư pháp |
| - | Công tác phòng, chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí  Quan tâm công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh; Sở Tài chính |
| **7** | **Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định** |  |
| - | Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.  Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là quản lý xuất nhập cảnh, lưu trú, quản lý người nước ngoài; chú trọng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh |
| - | Phòng, chống cháy nổ; tai nạn giao thông... | Công an tỉnh; Ban An toàn Giao thông tỉnh |
| **8** | **Tình hình nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ thiết thực cho phục hồi, phát triển KT-XH** | Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| **9** | **Tình hình thực hiện nhiệm vụ về đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc** |  |
| **-** | Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước; chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt; kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm, tư tưởng sai trái, không để các thế lực thù địch lợi dụng. | Sở Thông tin và Truyền thông (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Bình phối hợp), Công an tỉnh |
| **-** | Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh |
| **-** | Triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn các thông tin sai sự thật, xấu, độc; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. | Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông |
| **10** | ***Lưu ý:*** *Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ngành, địa phương tiến hành đánh giá bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương* | Các Sở, ngành |
| **III** | **TỒN TẠI, HẠN CHẾ** | Các Sở, ngành |
| **IV** | **NGUYÊN NHÂN** |  |
| 1 | Các nguyên nhân của thành công (gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan) | Các Sở, ngành |
| 2 | Các nguyên nhân của hạn chế, yếu kém (gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan) | Các Sở, ngành |
| **V** | **Trách nhiệm đối với những hạn chế, bất cập** (trong đó nêu rõ tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm) | Các Sở, ngành |
| **VI** | **Bài học kinh nghiệm** | Các Sở, ngành |
| **B** | **PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**  *Các Sở, ngành lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030, yếu tố dân số, nội dung phòng, chống thiên tai… vào kế hoạch phát triển KT-XH[[1]](#footnote-1)* | Các Sở, ngành |
| **I** | **Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội năm 2024** (nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong tỉnh, trong nước, và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2024 của ngành, lĩnh vực, địa bàn; lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ucraina, tình hình lạm phát thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm, rủi ro an toàn thị trường tài chính, nợ công tại nhiều quốc gia, việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, các xu hướng, mô hình phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tình hình các chuỗi giá trị toàn cầu…, sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt…) | Các Sở, ngành |
| **II** | **Mục tiêu tổng quát** | Các Sở, ngành |
| **III** | **Mục tiêu chủ yếu**  *(cần tập trung, phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm dự báo khả năng thực hiện thành công Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025)* | Các Sở, ngành thực hiện Phụ lục II theo phân công  *(phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê trong xây dựng số liệu)* |
| **IV** | **Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu**  *Nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2024 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn sau:*  *- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 04 khâu đột phá giai đoạn 2021-2025.*  *- Kiên định mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế; tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022. Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, khu vực, trong nước, kịp thời nhận biết rủi ro, thách thức để có đối sách phù hợp, điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và chính sách vĩ mô khác. Đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, các chuỗi cung ứng; phấn đấu thặng dư thương mại bền vững.*  *- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quán triệt và thể chế hóa kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII; các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về quản lý và sử dụng đất. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và thi hành án; chú trọng công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.*  *- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn. Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng lâm nghiệp, thuỷ sản, hạ tầng phòng chống giảm nhẹ thiên tai…*  *- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế. Tập trung thực hiện KH hành động số 1222/KH-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 25-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường. Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt. Đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số, thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế. Phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Khắc phục hệ lụy sâu, rộng, kéo dài của dịch Covid-19.*  *- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển KTXH; triển khai đồng bộ và hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045; triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.*  *- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua; không chủ quan với thành tích đã đạt được; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả hơn nữa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rào cản cho người dân, doanh nghiệp. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước.*  *- Giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; hợp tác, chia sẻ lợi ích bảo đảm công bằng và hợp lý trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước liên quốc gia. Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu. Thúc đẩy xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường; chuyển đổi năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện tuyên bố, cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26. Triển khai hiệu quả các giải pháp xử lý rác thải, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, khu công nghiệp tập trung, khu đông dân cư.*  *- Tiếp tục phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ cấp, trợ giúp xã hội. Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng, nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số và chủ động thích ứng với già hóa dân số. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, chính sách trẻ em toàn diện, công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng, chống tệ nạn xã hội.*  *- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại. Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương và chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước* | Các Sở, ngành phân công thực hiện tương tự tại Phần A II.2 đến II.10 Phụ lục này |
| **VI** | **Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có)** | Các Sở, ngành |

***\*Áp dụng toàn bộ nội dung đối với các địa phương (UBND cấp huyện);*** *Biểu đánh giá chỉ tiêu KT-XH thực hiện theo các chỉ tiêu được HĐND cấp huyện giao và Khung đánh giá thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH hằng năm cấp huyện tại Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Khung đánh giá và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình.*

1. Căn cứ: Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định về lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển KT-XH của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương; Quyết định số 2158/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển KT-XH; Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KT-XH… [↑](#footnote-ref-1)